

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THƯỜNG XUÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1149/QĐ-UBND

Thường Xuân, ngày 17 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép khai thác tận thu gỗ, rẫy trong rừng tự nhiên của các hộ gia đình trên địa bàn huyện Thường Xuân năm 2016.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN

Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 03/12/2004; Nghị định số 23/2006/NĐ-CP, ngày 03/3/2006 về thi hành luật Bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Quy chế quản lý rừng, ban hành kèm theo Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg, ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20/5/2011 của Bộ NN&PTNT về việc hướng dẫn thực hiện khai thác tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ; Thông tư số 70/2011/TT-BNN&PTNT, ngày 24/10/2011 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 về hướng dẫn thực hiện khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ; Thông tư số 87/2009/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 12 năm 2009 về hướng dẫn thiết kế khai thác chọn gỗ rừng tự nhiên của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ hồ sơ đăng ký khai thác của các hộ gia đình, cá nhân gồm: bảng dự kiến sản phẩm khai thác; bảng đăng ký khai thác; sơ đồ khu vực khai thác.

Xét đề nghị của Phòng nông nghiệp và PTNT huyện Thường Xuân tại Tờ trình số: 17/TTr-NN&PTNT ngày 15/6/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép khai thác tận thu gỗ, rẫy trong rừng tự nhiên của các hộ gia đình trên địa bàn huyện Thường Xuân năm 2016, với các nội dung chính như sau:

1. Địa điểm, diện tích, sản lượng gốc, rẫy khai thác tận thu:

- Địa điểm khai thác: Thuộc lô 2, khoảnh 1, tiểu khu 539; lô 1, khoảnh 3, tiểu khu 542; thuộc xã Xuân Lẹ; lô 4, khoảnh 2, tiểu khu 561, thuộc xã Xuân Chinh và lô 1, khoảnh 5, tiểu khu 525, thuộc xã Vạn Xuân.

- Tổng diện tích thiết kế: 169,84 ha.

- Tổng sản lượng gốc, rẫy khai thác tận thu: 43,38 tấn. Trong đó: Hộ gia đình bà Lò Thị Lợi, Thôn Đông Bai, xã Xuân Lẹ là 06 gốc, sản lượng 7,19 tấn; Hộ gia đình ông Lữ Văn Khó, Thôn Lẹ Tà, xã Xuân Lẹ là 07 gốc, sản lượng 8,57 tấn; Hộ gia đình ông Lò Văn Khắc, Thôn Cụt Ấc, xã Xuân Chinh là 05 gốc, sản lượng 7,69 tấn và Hộ gia đình ông Vi Văn Khuyên, Thôn Hang Cáo, xã Vạn Xuân là 21 gốc, sản lượng 19,93 tấn.

(Chi tiết có danh sách đính kèm)

2. Đối tượng và phương thức khai thác:
- Đối tượng rừng: là rừng gỗ, hỗn giao nửa gỗ tự nhiên, trạng thái rừng TBTX, NGTX, HG thuộc quy hoạch rừng phòng hộ, sản xuất giao cho các hộ gia đình, cá nhân quản lý theo kết quả rà soát, quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2006-2015 được UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số 2755/QĐ-UBND ngày 12/9/2007.

- Đối tượng tận thu: là gốc, rễ.

- Phương thức khai thác: Chỉ khai thác những gốc, rễ đã được đánh số hiệu.

3. Thời hạn khai thác tận thu: 90 ngày.

Điều 2. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan:

1. Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện phối hợp với Hạt Kiểm lâm huyện, UBND các xã Xuân Lạ, Xuân Chinh, Vạn Xuân có trách nhiệm hướng dẫn các hộ gia đình, cá nhân tổ chức khai thác tận thu gốc, rễ theo quy định.

2. Hạt Kiểm lâm huyện phối hợp với UBND các xã Xuân Lạ, Xuân Chinh, Vạn Xuân tổ chức kiểm tra, giám sát khai thác tận thu gốc rễ bảo đảm đúng đối tượng, khối lượng, địa danh đã được phê duyệt; xác nhận nguồn gốc lâm sản cho vận chuyển, tiêu thụ theo quy định của pháp luật; không để xảy ra tình trạng lợi dụng để chặt phá, khai thác rừng, buôn bán lâm sản trái pháp luật và cháy rừng.

3. UBND các xã Xuân Lạ, Xuân Chinh, Vạn Xuân phối hợp với Hạt Kiểm lâm huyện tổ chức kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc khai thác tận thu gốc, rễ đúng đối tượng, khối lượng, địa danh đã được phê duyệt và đảm bảo công tác PCCCR; không để xảy ra tình trạng lợi dụng để chặt phá, khai thác rừng hoặc buôn bán lâm sản trái pháp luật và cháy rừng.

4. Các hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 quyết định này có trách nhiệm tổ chức khai thác tận thu gốc, rễ đúng địa danh, diện tích và sản lượng đã được phê duyệt; nghiêm cấm lợi dụng để khai thác, phá rừng trái phép và buôn bán lâm sản trái pháp luật hoặc cháy rừng xảy ra; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của hồ sơ, lý lịch lâm sản. Thực hiện nghiêm túc các quy định về khai thác tận thu lâm sản theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND và UBND huyện, Trưởng Phòng NN&PTNT huyện, Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm huyện, Chủ tịch UBND các xã Xuân Lạ, Xuân Chinh, Vạn Xuân, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3/QĐ (để t/h);
- Lưu: VT, NN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thị Hương

DANH SÁCH TẬN DỤNG GÓC RÈ CỦA HỘ GIA ĐÌNH XÃ XUÂN CHINH

(Kèm theo Quyết định số 1149 /QĐ-UBND của UBND huyện Thường Xuân, ngày 17 tháng 05 năm 2016)



TT	Tên lâm sản	Nhóm gỗ	Số hiệu	Chiều cao (m)	Đường kính gốc (cm)	Khối lượng (tấn)	Vị trí (X;Y)	Ghi chú
Hộ Gia đình Lò Văn Khắc - Thôn Cụt Ấc (Lô 4, Khoảnh 2, TK 561)								
I								
1	SP	VI	K1	2,0	120	2,07	522547;2181187	
2	SP	VI	K2	1,8	80	0,83	522560;2181175	
3	SP	VI	K3	1,5	95	0,97	522579;2181157	
4	SP	VI	K4	2,0	110	1,74	522541;2181199	
5	SP	VI	K5	2,0	120	2,07	522540;2181189	
	TỔNG					7,69		

Khối lượng bằng chữ: Bảy phẩy sáu chín tấn

DANH SÁCH CÁC HỘ GIA ĐÌNH TÀN DỰNG GỐC RỄ XÃ XUÂN LỆ

(Kèm theo Quyết định số **449/QĐ-TBND** của UBND huyện Thường Xuân, ngày 17 tháng 05 năm 2016)

TT	Tên lâm sản	Nhóm gỗ	Số hiệu	Chiều cao (m)	Đường kính gốc (cm)	Khối lượng (tấn)	Vị trí (X;Y)	Ghi chú
I								
Hộ Gia đình Lò Thị Lợi - Thôn Đường Bai (Lô 2, Khoảnh 1, TK 539)								
1	Gù hương	VI	G1	2,5	120	2,59	516239;2189661	
2	SP	VI	G2	1,8	80	0,83	516254;2189632	
3	Giổi	III	G3	1,5	65	0,46	516320;2189959	
4	Giổi	III	G4	2,0	110	1,74	516320;2189959	
5	SP	VI	G5	2,0	85	1,04	516378;2189529	
6	SP	VI	G6	1,5	70	0,53	516580;2189315	
TỔNG							7,19	
II								
Hộ gia đình Lữ Văn Khó - Thôn Lẻ Tả (Lô 1, Khoảnh 3, TK 542)								
1	SP	VI	K1	2,0	100	1,44	520987;2188972	
2	Giổi	III	K2	2,5	95	1,62	520989;2188977	
3	Re	IV	K3	2,5	75	1,01	520994;2188975	
4	Giổi	III	K4	2,5	110	2,18	520986;2188981	
5	SP	VI	K5	1,5	65	0,46	520997;2188978	
6	Re	IV	K6	1,8	85	0,94	520991;2188989	
7	Giổi	III	K7	2,0	80	0,92	520997;2188978	
TỔNG							8,57	
TỔNG CỘNG							15,76	

Khối lượng bằng chữ: Mười lăm phẩy bảy mươi sáu tấn

DANH SÁCH CÁC GÓC RỄ TẠM DÙNG CỦA HỘ GIA ĐÌNH XÃ VẠN XUÂN

(Kèm theo Quyết định số 1119/QĐ-UBND của UBND huyện Thường Xuân, ngày 17 tháng 02 năm 2016)



Hộ Gia đình Vi Văn Khuyên - Thôn Hang Cầu (Lô 1, Khoảnh 5, TK 525)

TT	Tên lâm sản	Nhóm gỗ	Số hiệu	Chiều cao (m)	Đường kính gốc (cm)	Khối lượng (tấn)	Vị trí (X; Y)	Ghi chú
I								
1	SP	VI	1	2,5	120	2,59	5246470;2194048	
2	SP	VI	2	1,8	90	1,05	526606;2194022	
3	SP	VI	3	1,5	75	0,61	5265532;2194046	
4	SP	VI	4	2,0	80	0,92	526576;2194041	
5	Gù Hương	VI	5	1,5	70	0,53	526578;2194029	
6	Gù Hương	VI	6	1,5	85	0,78	526595;2194026	
7	Gù Hương	VI	7	1,5	75	0,61	526629;2194010	
8	Gù Hương	VI	8	1,2	65	0,37	526626;2194010	
9	SP	VI	9	1,5	75	0,61	526631;2194078	
10	SP	VI	10	1,5	80	0,69	526604;2194099	
11	SP	VI	11	1,5	90	0,87	526575;2194098	
12	SP	VI	12	1,5	75	0,61	526573;2194098	
13	SP	VI	13	1,5	90	0,87	526558;2194088	
14	SP	VI	14	2,0	80	0,92	526549;2194115	
15	SP	VI	15	1,2	65	0,37	526526;2194130	
16	SP	VI	16	2,0	85	1,04	526509;2194135	
17	SP	VI	17	2,0	100	1,44	526509;2194136	
18	SP	VI	18	1,5	80	0,69	526510;2194162	
19	SP	VI	19	2,0	110	1,74	526512;2194148	
20	SP	VI	20	1,5	90	0,87	526520;2194067	
21	SP	VI	21	2,0	110	1,74	526495;2194048	
TỔNG CỘNG						19,93		

Khối lượng bằng chữ: Mười chín phẩy chín mười ba tấn